

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ TOÀN CẦU GDT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ TOÀN CẦU GDT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GDT GLOBAL TECHNOLOGY AND SERVICES INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GDT CPN CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108452481

3. Ngày thành lập: 02/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 263, Đường Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục mẫu giáo	8512
2.	Quảng cáo	7310
3.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư	6619(Chính)
6.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
8.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
9.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet	4791
10.	Xây dựng nhà ở	4101
11.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
12.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13.	Xây dựng công trình điện	4221
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
18.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
19.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
22.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
25.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
26.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
28.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
29.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
30.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
31.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
32.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
35.	Bán buôn tổng hợp	4690
36.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) trừ vận tải bằng xe buýt	4931
38.	Vận tải đường ống	4940
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
41.	Giáo dục nhà trẻ	8511
42.	Giáo dục tiểu học	8521
43.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
44.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

45.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
46.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
49.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
50.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
51.	Đại lý du lịch	7911
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
53.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Trừ hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
54.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;	5229
56.	Điều hành tua du lịch	7912
57.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
58.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
59.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; - Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh - Dạy máy tính	8559
60.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
61.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: Sản xuất đồ nội thất bằng gốm	2393
62.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
63.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
64.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
65.	Xây dựng nhà không để ở	4102

66.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
67.	Phá dỡ	4311
68.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
69.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
70.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
71.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ hoạt động đấu giá	4530
73.	Bán mô tô, xe máy Loại trừ đấu giá	4541
74.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Loại trừ hoạt động đấu giá	4543
75.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa ; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
76.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
77.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
78.	Bán buôn thực phẩm	4632
79.	Bán buôn đồ uống	4633
80.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
81.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
82.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
83.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
84.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ QUANG MINH	Xóm 6, Xã Chính Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	500.000.000	50,000	168507985	

2	LÊ NGỌC KHÁNH	Số 7/80 Đường Dương Đình Nghệ, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	500.000.000	50,000	174502736	
---	------------------	---	-------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ QUANG MINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/06/1994*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *168507985*

Ngày cấp: *07/05/2015*

Nơi cấp: *Công An Tỉnh Hà Nam*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 6, Xã Chính Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 1006 tòa nhà N4B, Số 52, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*